

Bản án số: 76/2023/HS-ST
Ngày 31-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Lưu Văn Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân** huyện A, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông H - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Thành Đ, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2001 tại A, Kiên Giang; CCCD số 091201015658; Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện A, Kiên Giang; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Lê Trọng Đ1 và bà Tạ Mỹ L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 23/02/2023, chuyển tạm giam ngày 03/3/2023 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:**

+ Anh Lê Thanh P, sinh năm 2004. Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang (xin vắng mặt tại phiên tòa).

+ Anh Trần Duy L1, sinh năm 1991. Địa chỉ: khu phố M, thị trấn M, huyện C, Kiên Giang (xin vắng mặt tại phiên tòa).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Đỗ Văn T (tên gọi khác: S), sinh năm 1973. HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: khu phố C, thị trấn T, huyện A, Kiên Giang (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thành Đ do thiếu nợ nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức giả vờ đến tiệm mua bán xe cũ để mua xe, lợi dụng sự tin tưởng của chủ xe giao xe chạy thử rồi lấy xe đem đi cầm, bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau khi tính toán xong, **Đ** gặp **Chiêm Thanh H1** hỏi mượn xe gắn máy biển số 68FA - 033.54 để đi công chuyện thì **H1** đồng ý. Sau đó, bị can **Lê Thành Đ** điều khiển xe máy một mình đến **huyện C, tỉnh Kiên Giang** để thực hiện kế hoạch.

Đến khoảng 15 giờ ngày 20/02/2023, **Đ** điều khiển xe đến khu vực gần **chợ M, huyện C** thì lượm được biển số xe 68C1 - 076.14 của ai đánh rơi trên đường nên vào tiệm sửa xe để tháo biển số xe 68FA - 033.54 để gắn biển số xe 68C1 - 076.14 vào nhằm ngụy trang sau khi thực hiện hành vi phạm tội, nhưng do gắn biển số xe không được nên **Đ** bỏ biển số xe 68C1 - 076.14 vào trong cốp xe, còn biển số xe 68FA - 003.54 **Đ** bỏ vào bọc nylon để trên võng xe. Sau đó, **Đ** điều khiển xe trên **Q** tìm chỗ bán xe cũ để thực hiện hành vi lừa đảo, khi đến tiệm bán xe **N** ở **khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang**, **Đ** thấy xe Exciter trưng bày thì xác định thực hiện hành vi tại đây. Để đảm bảo chủ xe tin tưởng, **Đ** điều khiển xe tìm người đi cùng, **Đ** gặp anh **Nguyễn Văn T1**, giả vờ nhờ anh **T1** đi theo để kiểm tra xe và hứa sẽ cho tiền anh **T1** uống cà phê, anh **T1** tưởng thật nên đồng ý đi với **Đ**. Khi đến tiệm bán xe Ngọc của anh **Trần Duy L1**, **Đ** giả vờ mua chiếc xe Exciter biển số 68M1 - 30.430 và yêu cầu anh **L1** đưa xem giấy đăng ký xe, khi anh **L1** đưa giấy đăng ký xe cho **Đ** lấy bỏ vào túi áo và yêu cầu anh **L1** đưa xe chạy thử, do tin tưởng **Đ** nên anh **L1** đồng ý giao xe cho **Đ** chạy thử, khoảng 05 phút sau không thấy **Đ** quay lại, anh **L1** hỏi anh **T1** thì biết là **Đ** đã lừa lấy xe của anh **L1**. Sau khi chiếm đoạt được xe của anh **L1**, **Đ** chạy về **Thứ M, huyện A**, đem cầm chiếc xe trên cho anh **Đỗ Văn T** với giá 16.000.000 đồng, qua ngày hôm sau **Đ** bán đứt chiếc xe trên với giá 18.000.000 đồng.

Đến sáng ngày 21/02/2023, **Đ** đang ở nhà thuộc **ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang** thì sử dụng mạng xã hội Facebook lên mạng tìm người bán xe qua mạng để tìm cách chiếm đoạt tài sản, **Đ** sử dụng nick Facebook tên **Hung N1** xem trên Facebook thì thấy anh **Lê Thành P1**, sinh năm 2004; HKTT: **ấp T, xã**

N, huyện A, tỉnh Kiên Giang, thấy anh P1 có đăng bán 01 xe mô tô hiệu Exciter 150 màu trắng biển số 69 D1 - 515.12 nên Đ giả vờ hỏi mua chiếc xe trên với giá 27.000.000 đồng và hẹn anh P1 17 giờ 30 phút cùng ngày gặp xem xe trên lộ X chỗ gần cầu K H, thuộc ấp H X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Đến khoảng 17 giờ 45 phút ngày 21/02/2023, Đ gặp anh P1 mang xe mô tô hiệu Exciter 150 màu trắng biển số 69 D1 - 515.12 cho Đ xem xe. Lúc này, Đ giả vờ nói với anh P1 đưa giấy tờ chiếc xe cho Đ lấy bỏ túi quần. Sau khi lấy giấy tờ xe xong, Đ kêu anh P1 đưa xe cho Đ chạy thử, anh P1 chưa giao xe thì Đ lợi dụng lúc anh P1 không để ý, Đ lên xe tăng ga bỏ chạy. Đ chiếm đoạt chiếc xe trên mang về nhà ở ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 23/02/2023, Đ gọi điện cho anh Nguyễn Minh H2, sinh năm 1997; HKTT: ấp I X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang là bà con với Đ, nói là vừa mua được chiếc xe, nhờ anh H2 đi bán chiếc xe trên với giá 20.000.000 đồng thì anh H2 đồng ý, Đ chạy ra ngã 4 kênh P đưa xe và giấy tờ cho anh H2 đi đến tiệm C để bán thì bị Công an xã Đ phát hiện mời làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 03 ngày 20/3/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện C kết luận như sau: 01 xe một tô nhãn hiệu Yamaha, màu xanh đen, số loại Exciter, số máy G3D4E810372, số khung 1010JY0444946, biển kiểm soát 68M1 - 304.30 đã qua sử dụng có giá trị 14.667.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 13 ngày 22/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh Kiên Giang kết luận: 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha số loại Exciter màu đen biển số 69D1 - 515.12, số khung 1010LY247902, số máy G3D4E1018922 đã qua sử dụng có giá 25.650.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tạm giữ:

- 01 (Một) xe một tô nhãn hiệu Yamaha, màu xanh đen, số loại Exciter, số máy G3D4E810372, số khung 1010JY0444946, biển kiểm soát 68M1 - 304.30.
- 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha số loại Exciter 150 màu đen, số khung 1010LY247902, số máy G3D4E1018922, biển số 69 D1 - 515.12.
- 01 (Một) xe mô tô hiệu FUSIN, màu trắng đen, số khung RRRDCB1RRRD866791, số máy VDTFS1P39FMB866791.

- 01 (Một) cái điện thoại di động hiệu VSMART màu đen, màn hình cảm ứng, mặt sau bị vỡ kính, đã qua sử dụng (Chiếc điện thoại bị can **Đ** dùng để liên lạc để thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản).

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Đỗ Văn T** yêu cầu **Đ** phải trả lại số tiền 18.000.000 đồng, gia đình **Đ** đã bồi thường được số tiền 12.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 75/CT-VKS-AM ngày 04-10-2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Lê Thành Đô về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

- Kiểm sát viên kết luận bị cáo phạm tội và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đ** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Đ** từ 06 tháng đến 12 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt theo quy định. Tịch thu vật chứng theo quy định; trách nhiệm dân sự không ai yêu cầu thêm.

- Bị cáo **Lê Thành Đ** thừa nhận đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh **P1** và anh **L1** đúng như nội dung Cáo trạng truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Về trách nhiệm dân sự, gia đình bị cáo đã bồi thường cho ông **T** đủ 18.000.000 đồng. Trong lời nói sau cùng bị cáo trình bày đã biết lỗi, rất hối hận về hành vi của bản thân gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **T** xác định gia đình bị cáo đã bồi thường đủ 18.000.000 đồng; không yêu cầu bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện A**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện A**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại anh **L1** và anh **P1** đã được triệu tập họp lệ nhưng xin vắng mặt tại phiên tòa. Thấy bị hại đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại.

[3] Về hành vi phạm tội, tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó có đủ căn cứ để kết luận:

[3.1] Ngày 20/02/2023, bị cáo **Đ** có ý định chiếm đoạt xe mô tô của người khác nên ghé tiệm sửa xe tháo biển số xe đang chạy và tìm người đi cùng đến cửa hàng bán xe để chủ cửa hàng nghĩ là người nhà của bị cáo, thực tế bị cáo đã nói dối người đi cùng là bị cáo đi mua xe, nhờ đi theo để kiểm tra. Khi đến tiệm bán xe Ngọc bị cáo giả vờ hỏi mua chiếc xe Exciter, sau khi anh **L1** (chủ cửa hàng) đưa giấy tờ đăng ký xe cho bị cáo xem thì bị cáo bỏ vào túi áo và đề nghị được chạy thử xe, do tin tưởng nên anh **L1** đồng ý và giao xe cho bị cáo. Sau khi lấy được chiếc xe bị cáo chạy về **thị trấn T** và đem đi cầm cho anh **Đỗ Văn T** với giá 16.000.000 đồng, qua ngày hôm sau bị cáo bán chiếc xe đã cầm cho anh **T** với giá 18.000.000 đồng.

Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo **Đ** đã dùng thủ đoạn gian dối như nhờ người đi cùng để xem xe, hỏi mua xe, chạy thử xe. Từ hành vi gian dối đó làm cho anh **L1** tin tưởng giao xe cho bị cáo chạy thử và bị cáo chiếm đoạt tài sản đem đi bán. Với thủ đoạn gian dối bị cáo **Đ** đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển kiểm soát 68M1-304.30 của anh **L1**. Theo bản kết luận định giá tài sản chiếc xe trên có giá trị là 14.667.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo **Đ** phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3.2] Đến ngày 21/02/2023 bị cáo **Đ** sử dụng Facebook tên **Hung N2** giả vờ hỏi mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển kiểm soát 69D1-515.12 của anh **P1** với giá 27.000.000 đồng. Khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, anh **P1** đem chiếc xe và giấy tờ đến cho bị cáo xem, bị cáo bỏ giấy tờ xe

vào túi quần, anh **P1** chưa giao xe thì bị cáo lợi dụng lúc anh **P1** không để ý đã lấy chiếc xe và nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường. (Bị cáo có trình bày bị hại đồng ý cho bị cáo chạy thử xe nhưng bị hại trình bày không có cho bị cáo chạy thử xe. HĐXX thấy giữa bị cáo và bị hại không quen biết nhau, nơi xem xe là chỗ vắng người; bị cáo cũng không có giao tài sản hay hành động gì khác để cho bị hại tin tưởng giao xe. Do đó lời khai nại của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận).

Trong trường hợp này, bị cáo **Đ** cũng đã sử dụng các thủ đoạn gian dối như giả vờ mua xe, xem xe, thử máy xe nhưng các thủ đoạn gian dối đó chỉ nhằm để bị cáo được tiếp cận với tài sản định chiếm đoạt. Hành vi chiếm đoạt của bị cáo được thực hiện bằng việc bị cáo giả vờ xem xe, nổ máy thử xe rồi lên xe và nhanh chóng tẩu thoát. Việc bị cáo lên xe chạy đi là do bị cáo tự thực hiện, không phải trên cơ sở tự nguyện giao xe của bị hại. Đây là dấu hiệu của tội Cướp giật tài sản. Tài sản bị cáo đã chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản có giá trị là 25.650.000 đồng. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo **Đ** đã phạm tội Cướp giật tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng, tính chất của vụ án: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và khả năng nhận thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, nhưng bị cáo vẫn thực hiện để chiếm đoạt tài sản hợp pháp của họ. Trong thời gian ngắn bị cáo liên tiếp thực hiện hai hành vi phạm tội, thể hiện sự manh động và liều lĩnh, hành vi này gây bức xúc trong dư luận và hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Do đó, cần xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội bị cáo đã gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về các hành vi mình đã thực hiện; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ thiệt hại cho anh **T**; các bị hại, người liên quan đã nhận được đầy đủ tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. HĐXX xác định đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s

khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4.3] Về quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng bị cáo đã liên tiếp phạm nhiều tội, gây tâm lý lo lắng, phần nộ trong nhân dân nên cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Khi lượng hình thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi đầy đủ nên chỉ cần xử phạt ở mức đầu của khung hình phạt bị truy tố, xét xử là cũng đủ răn đe và để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Do bị cáo phạm nhiều tội nên hình phạt sẽ được tổng hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự để buộc bị cáo chấp hành án.

[5] Về trách nhiệm dân sự, Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **T** xác định đã được bồi thường đầy đủ 18.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì thêm; các bị hại **L1**, **P1** không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xét.

[6] Về vật chứng: 01 (Một) xe một tô nhãn hiệu Yamaha, màu xanh đen, số loại Exciter, số máy G3D4E810372, số khung 1010JY0444946, biển kiểm soát 68M1 - 304.30; 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha số loại Exciter màu đen, số khung 1010LY247902, số máy G3D4E1018922, biển số 69 D1 - 515.12 và 01 (Một) xe mô tô hiệu FUSIN, màu trắng đen, số khung RRRDCB1RRRD866791, số máy VDTFS1P39FMB866791, cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện A** đã giao trả lại cho các anh **L1**, **P1** và **H1**.

Đối với 01 (Một) cái điện thoại di động hiệu VSMART màu đen, màn hình cảm ứng, mặt sau bị vỡ kính, đã qua sử dụng là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần phải tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[7] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[8] Đối với anh **Nguyễn Văn T1** không biết bị cáo có ý định chiếm đoạt chiếc xe ở tiệm bán xe Ngọc, anh đi theo là do bị cáo nói dối là đi mua xe, nhờ đến cửa hàng để xem xe dùm; đối với anh **Nguyễn Minh H2** đem chiếc xe đi bán dùm cho bị cáo vì bị cáo nói dối vừa mua được chiếc xe, xe có giấy tờ đầy đủ nên anh mới đồng ý. Thấy rằng, anh **T1** không biết được mục đích của bị cáo là lợi dụng anh để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên mới đồng ý đi cùng; anh **H2** không biết chiếc xe là tài sản bị cáo cướp giật mà có nên mới đem

đi bán. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hành vi của anh **T1** và anh **H2** là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thành Đ** phạm tội Cướp giật tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1.1- Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thành Đ** 01 (một) năm tù về tội Cướp giật tài sản.

1.2- Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thành Đ** 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1.3- Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo **Lê Thành Đ** chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 23/02/2023).

2- Về trách nhiệm dân sự, không ai yêu cầu gì thêm nên không xét.

3- Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) cái điện thoại di động hiệu VSMART màu đen, màn hình cảm ứng, mặt sau bị vỡ kính, đã qua sử dụng (*theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 44/QĐ-VKS-AM ngày 04/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh*).

4- Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo **Lê Thành Đ** chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 31-10-2023). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh KG;
- Công an huyện, tỉnh;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Sở TP tỉnh KG;
- UBND X. Đồng Thành, H. An Minh, KG;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Lê Chí Công